

UBND PHƯỜNG HỒNG QUANG  
TRƯỜNG MẦM NON HỒNG QUANG

Khu Trung Tâm

Ngày 01 tháng 04 năm 2026

I. THỰC ĐƠN

Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG
Cơm gạo bắc thơm Cá trắm sốt cà chua, nấm hương, thì là Thịt lợn rim hành lá Canh rau ngót nấu thịt lợn Sữa Nuvi lắc trái cây	Sữa bột Nuvi Grow School	Sữa bột Nuvi Grow Cháo thịt vịt, đỗ xanh, hành lá

II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI:

STT	DIỄN GIẢI	SỐ XUẤT ĂN	TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI	
			Tiền (đồng)	Tổng số (đồng)
1	CƠM MẪU GIÁO	192	22,000	4,224,000
2	CƠM NHÀ TRẺ	48	22,000	1,056,000
	<b>TỔNG</b>	<b>240</b>		<b>5,280,000</b>

III. PHÂN THỰC PHẨM TRONG NGÀY

SỐ TT	TÊN THỰC PHẨM	ĐƠN GIÁ	MẪU GIÁO		NHÀ TRẺ	
			SL (kg)	Tiền (đồng)	SL (kg)	Tiền (đồng)
1	Gạo bắc thơm	17,000	17.3	294,100	2.9	49,300
2	Dầu ăn	77,000	1.15	88,550	0.3	23,100
3	Nước mắm	76,000	0.28	21,280	0.07	5,320
4	Hạt nêm	70,000	0.28	19,600	0.07	4,900
5	Hành	35,000	0.2	7,000	0.05	1,750
6	Cá trắm bỏ đầu, đuôi	110,000	6.2	682,000	1.75	192,500
7	Nấm hương	310,000	0.04	12,400	0.01	3,100
8	Cà chua	25,000	4.1	102,500	0.9	22,500
9	Thì là	50,000	0.15	7,500	0.05	2,500
10	Rau ngót	70,000	1.9	133,000	0.5	35,000
11	Thịt lợn	150,000	4.8	720,000	1.2	180,000
12	Sữa Nuvi lắc trái cây	4,300	192	825,600	48	206,400
13	Gạo bắc thơm	17,000	3.1	52,700	0.8	13,600
14	Hành lá	40,000	0.15	6,000	0.05	2,000
15	Thịt vịt	95,000	1.92	182,400	0.48	45,600
16	Đỗ xanh	55,000	0.55	30,250	0.15	8,250
17	Sữa bột Nuvi Grow	260,000	4.00	1,040,000	1.00	260,000
	<b>Cộng tiền</b>			<b>4,224,880</b>		<b>1,055,820</b>

IV. PHÂN QUYẾT ÁN TRONG NGÀY

- Số tiền được chi: 5,280,700

- Số tiền đã chi: 5,280,700  
- Số tiền còn thừa:  
- Số tiền còn thiếu: 700

UBND PHƯỜNG HỒNG QUANG  
TRƯỜNG MẦM NON HỒNG QUANG

**Khu Phú Lâm**

Ngày 01 tháng 04 năm 2026

**I. THỰC ĐƠN**

Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG
Cơm gạo bắc thơm Cá trắm sốt cà chua, nấm hương, thì là	Sữa bột Nuvi	Sữa bột Nuvi Grow Cháo thịt vịt, đỗ

**II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI:**

STT	DIỄN GIẢI	SỐ XUẤT ĂN	TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI		
			Tiền (đồng)	Tổng số (đồng)	
1	CƠM MẪU GIÁO	82	22,000	1,804,000	
2	CƠM NHÀ TRẺ	28	22,000	616,000	
	<b>TỔNG</b>	<b>110</b>		<b>2,420,000</b>	

**III. PHẦN THỰC PHẨM TRONG NGÀY**

SỐ TT	TÊN THỰC PHẨM	ĐƠN GIÁ	MẪU GIÁO		NHÀ TRẺ	
			SL (kg)	Tiền (đồng)	SL (kg)	Tiền (đồng)
1	Gạo bắc thơm	17,000	7.40	125,800	1.70	28,900
2	Dầu ăn	77,000	0.45	34,650	0.20	15,400
3	Nước mắm	76,000	0.11	8,360	0.04	3,040
4	Hạt nêm	70,000	0.11	7,700	0.04	2,800
5	Hành	35,000	0.07	2,450	0.03	1,050
6	Cá trắm bỏ đầu, đuôi	110,000	2.65	291,500	1.00	110,000
7	Nấm hương	310,000	0.02	6,200	0.01	3,100
8	Cà chua	25,000	1.70	42,500	0.60	15,000
9	Thì là	50,000	0.08	4,000	0.02	1,000
10	Rau ngót	70,000	0.80	56,000	0.30	21,000
11	Thịt lợn	150,000	2.05	307,500	0.70	105,000
12	Sữa Nuvi lắ trái cây	4,300	82.00	352,600	28.00	120,400
13	Gạo bắc thơm	17,000	1.35	22,950	0.45	7,650
14	Hành lá	40,000	0.08	3,200	0.02	800
15	Thịt vịt	95,000	0.80	76,000	0.30	28,500
16	Đỗ xanh	55,000	0.25	13,750	0.05	2,750
17	Sữa bột Nuvi Grow	260,000	1.71	444,600	0.59	153,400
	<b>Cộng tiền</b>			<b>1,799,760</b>		<b>619,790</b>

**IV. PHẦN QUYẾT ÁN TRONG NGÀY**

- Số tiền được chi:	2,419,550
- Số tiền đã chi:	2,419,550
- Số tiền còn thừa:	
- Số tiền còn thiếu:	-450

UBND PHƯỜNG HỒNG QUANG  
TRƯỜNG MẦM NON HỒNG QUANG

Khu Hậu Phú

Ngày 01 tháng 04 năm 2026

I. THỰC ĐƠN

Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG
Cơm gạo bắc thơm Cá trắm sốt cà chua, nấm hương, thì là	Sữa bột Nuvi	Sữa bột Nuvi Grow Cháo thịt vịt, đỗ

II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI:

STT	DIỄN GIẢI	SỐ XUẤT ĂN	TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI	
			Tiền (đồng)	Tổng số (đồng)
1	CƠM MẪU GIÁO	40	22,000	880,000
2	CƠM NHÀ TRẺ	0	22,000	0
	<b>TỔNG</b>	<b>40</b>		<b>880,000</b>

III. PHÂN THỰC PHẨM TRONG NGÀY

SỐ TT	TÊN THỰC PHẨM	ĐƠN GIÁ	MẪU GIÁO		NHÀ TRẺ	
			SL (kg)	Tiền (đồng)	SL (kg)	Tiền (đồng)
1	Gạo bắc thơm	17,000	3.60	61,200		
2	Dầu ăn	77,000	0.25	19,250		
3	Nước mắm	76,000	0.05	3,800		
4	Hạt nêm	70,000	0.05	3,500		
5	Hành	35,000	0.05	1,750		
6	Cá trắm bỏ đầu, đuôi	110,000	1.30	143,000		
7	Nấm hương	310,000	0.01	3,100		
8	Cà chua	25,000	0.70	17,500		
9	Thì là	50,000	0.03	1,500		
10	Rau ngót	70,000	0.40	28,000		
11	Thịt lợn	150,000	1.00	150,000		
12	Sữa Nuvi lắc trái cây	4,300	40.00	172,000		

13	Gạo bắc thơm	17,000	0.60	10,200		
14	Hành lá	40,000	0.03	1,200		
15	Thịt vịt	95,000	0.40	38,000		
16	Đỗ xanh	55,000	0.10	5,500		
17	Sữa bột Nuvi Grow	260,000	0.85	221,000		
	<b>Cộng tiền</b>			880,500		0

#### IV. PHÂN QUYẾT ÁN TRONG NGÀY

- Số tiền được chi:	880,500
- Số tiền đã chi:	880,500
- Số tiền còn thừa:	
- Số tiền còn thiếu:	500

### UBND PHƯỜNG HỒNG QUANG TRƯỜNG MẦM NON HỒNG QUANG

#### Khu Nam Quang

Ngày 01 tháng 04 năm 2026

#### I. THỰC ĐƠN

Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG
Cơm gạo bắc thơm Cá trắm sốt cà chua, nấm hương, thì là	Sữa bột Nuvi	Sữa bột Nuvi Grow Cháo thịt vịt, đỗ

#### II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI:

STT	DIỄN GIẢI	SỐ XUẤT ĂN	TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI	
			Tiền (đồng)	Tổng số (đồng)
1	CƠM MẪU GIÁO	150	22,000	3,300,000
2	CƠM NHÀ TRỀ	33	22,000	726,000
	<b>TỔNG</b>	<b>183</b>		<b>4,026,000</b>

#### III. PHÂN THỰC PHẨM TRONG NGÀY

SỐ TT	TÊN THỰC PHẨM	ĐƠN GIÁ	MẪU GIÁO		NHÀ TRỀ	
			SL (kg)	Tiền (đồng)	SL (kg)	Tiền (đồng)
1	Gạo bắc thơm	17,000	13.50	229,500	2.00	34,000
2	Dầu ăn	77,000	0.90	69,300	0.20	15,400
3	Nước mắm	76,000	0.20	15,200	0.05	3,800
4	Hạt nêm	70,000	0.25	17,500	0.05	3,500
5	Hành	35,000	0.15	5,250	0.05	1,750
6	Cá trắm bỏ đầu, đuôi	110,000	4.80	528,000	1.20	132,000
7	Nấm hương	310,000	0.03	9,300	0.01	3,100
8	Cà chua	25,000	3.10	77,500	0.60	15,000
9	Thì là	50,000	0.12	6,000	0.03	1,500
10	Rau ngót	70,000	1.50	105,000	0.30	21,000
11	Thịt lợn	150,000	3.75	562,500	0.85	127,500

12	Sữa Nuvi lắc trái cây	4,300	150.00	645,000	33.00	141,900
13	Gạo bắc thơm	17,000	2.40	40,800	0.50	8,500
14	Hành lá	40,000	0.12	4,800	0.03	1,200
15	Thịt vịt	95,000	1.50	142,500	0.30	28,500
16	Đỗ xanh	55,000	0.40	22,000	0.10	5,500
17	Sữa bột Nuvi Grow	260,000	3.15	819,000	0.70	182,000
	<b>Cộng tiền</b>			3,299,150		726,150

#### **IV. PHÂN QUYẾT ÁN TRONG NGÀY**

- Số tiền được chi: 4,025,300
- Số tiền đã chi: 4,025,300
- Số tiền còn thừa:
- Số tiền còn thiếu: -700

<b>Bữa chính chiều (NT)</b>
Cháo thịt vịt, đỗ xanh, hành lá

<b>GHI CHÚ</b>

<b>TỔNG SỐ LƯỢNG (kg)</b>	<b>CỘNG TIỀN (đồng)</b>
20.2	343,400
1.45	111,650
0.35	26,600
0.35	24,500
0.25	8,750
7.95	874,500
0.05	15,500
5.00	125,000
0.20	10,000
2.40	168,000
6.00	900,000
240	1,032,000
3.90	66,300
0.20	8,000
2.40	228,000
0.70	38,500
5.00	1,300,000
	5,280,700

<b>Bữa chính chiều (NT)</b>
Cháo thịt vịt, đỗ xanh,

<b>GHI CHÚ</b>

<b>TỔNG SỐ LƯỢNG (kg)</b>	<b>CỘNG TIỀN (đồng)</b>
9.1	154,700
0.65	50,050
0.15	11,400
0.15	10,500
0.1	3,500
3.65	401,500
0.03	9,300
2.30	57,500
0.10	5,000
1.10	77,000
2.75	412,500
110	473,000
1.80	30,600
0.10	4,000
1.10	104,500
0.30	16,500
2.30	598,000
	2,419,550

<b>Bữa chính chiều (NT)</b>
Cháo thịt vịt, đỗ xanh,

<b>GHI CHÚ</b>

<b>TỔNG SỐ LƯỢNG (kg)</b>	<b>CỘNG TIỀN (đồng)</b>
3.6	61,200
0.25	19,250
0.05	3,800
0.05	3,500
0.05	1,750
1.3	143,000
0.01	3,100
0.70	17,500
0.03	1,500
0.40	28,000
1.00	150,000
40	172,000

0.60	10,200
0.03	1,200
0.40	38,000
0.10	5,500
0.85	221,000
	880,500

<b>Bữa chính chiều (NT)</b>
Cháo thịt vịt, đỗ xanh,

<b>GHI CHÚ</b>

<b>TỔNG SỐ LƯỢNG (kg)</b>	<b>CỘNG TIỀN (đồng)</b>
15.5	263,500
1.1	84,700
0.25	19,000
0.3	21,000
0.2	7,000
6	660,000
0.04	12,400
3.70	92,500
0.15	7,500
1.80	126,000
4.60	690,000

183	786,900
2.90	49,300
0.15	6,000
1.80	171,000
0.50	27,500
3.85	1,001,000
	4,025,300